TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 85/2019/HNGĐ - ST
Ngày 20-9-2019
"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : **Ông Nguyễn Quốc Nam**

Các *Hội thẩm nhân dân*: 1. **Bà Mai Thị Ngọc Hân**

2. **Bà Nguyễn Thị Xuân Loan**

Thư ký phiên tòa: **Ông Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: **Ông Lê Hoàng Nhựt** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 158/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Hoàng A, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 31, đường L, khóm Đ, phường M, thành phố L, An Giang.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Phạm Hải A, sinh năm 1982. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 31, đường L, khóm Đ, phường M, thành phố L, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Hoàng A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hoàng A và anh Nguyễn Phạm Hải A quen biết, tìm hiểu qua và tự nguyện đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố L ngày 25/9/2008. Quá trình chung sống phát sinh nhiều bất đồng do tính tình cả hai không phù hợp, quan điểm chung không thống nhất, không có tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị Hoàng A và anh Hải A có 02 con chung tên Nguyễn Thy Minh K, sinh ngày 24/8/2009 và Nguyễn Thy Vân K, sinh ngày 19/4/2014. Hiện con chung đang được chị Hoàng A chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu được nuôi con sau ly hôn.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

* Bị đơn anh Nguyễn Phạm Hải A vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa lần thứ hai, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối cũng như chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

* Nguyên đơn chị Đỗ Thị Hoàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia

đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận; Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn có 02 con chung, hiện nguyên đơn đang chăm sóc, nuôi dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng A được quyền nuôi hai con chung; Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét đến; Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn cho rằng không có tài sản chung nên đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa chị Đỗ Thị Hoàng A và anh Nguyễn Phạm Hải A là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn có đăng ký thường trú tại phường M, thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ. Như vậy, từ khi Tòa án thụ lý đến ngày xét xử vụ án bị đơn đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, địa phương vẫn còn quản lý nhân khẩu. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 225, quyển số 01 ngày 25/9/2008 thể hiện nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật,

phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai thường bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị Hoàng A cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Hải A đã được Tòa án cấp tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối, không gửi văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Hoàng A và anh Hải A có 02 con chung tên Nguyễn Thy Minh K, sinh ngày 24/8/2009 và Nguyễn Thy Vân K, sinh ngày 19/4/2014.

Xét thấy, ngày 28/6/2019, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai con chung Nguyễn Thy Minh K đang được chị Hoàng A chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu được mẹ cho đi học và yêu cầu được sống với mẹ sau ly hôn. Ngoài ra, chị Hoàng A yêu cầu được nuôi con chung sau ly hôn nhưng anh Hải A không có ý kiến phản đối. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho việc học hành cho con chung cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh của nguyên đơn và nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng A được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Chị Hoàng A và gia đình của chị Hoàng A phải tạo điều kiện cho anh Hải A được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hải A không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Hoàng A không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị Hoàng A cho rằng không có tài sản chung, anh Hải A không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Hoàng A phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn Đỗ Thị Hoàng A, bị đơn Nguyễn Phạm Hải A.

* **Xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Hoàng A

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hoàng A được ly hôn với anh Nguyễn Phạm Hải A.

[2] Về con chung: Chị Đỗ Thị Hoàng A được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Thy Minh K, sinh ngày 24/8/2009 và Nguyễn Thy Vân K, sinh ngày 19/4/2014.

Chị Hoàng A và gia đình của chị Hoàng A phải tạo điều kiện cho anh Hải A được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hải A không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Hoàng A không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Hoàng A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003103 ngày 22/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

[7] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục T.H. A dân sự TPL;
- VKSND TPL;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam